

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thu T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường H, thành phố Chí Linh.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

3. Người làm chứng: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1975, địa chỉ: Phường H, thành phố Chí Linh.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn A được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại UBND phường H, thành phố Chí Linh. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khoảng cuối năm 2019, anh Tuấn A đi xuất khẩu Nhật Bản và hứa hẹn sẽ đưa chị T sang cùng để vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi đi nước ngoài, anh Tuấn A ít khi gọi điện về hỏi thăm chị T. Những lần anh Tuấn A liên lạc về đều hứa hẹn sẽ đón chị T sang đoàn tụ nhưng đã nhiều năm mà vẫn không thấy anh Tuấn A làm thủ tục nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Đồng thời, thông qua bạn bè của anh Tuấn A, chị T biết được anh Tuấn A đã có người phụ nữ khác ở bên Nhật Bản. Dù nhiều lần được bạn bè và gia đình khuyên nhủ nhưng anh Tuấn A không thay đổi và đã cắt đứt liên lạc hoàn toàn với chị T và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Chị T không biết được địa chỉ chính xác của anh Tuấn A tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Tuấn A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Hoàng Thị S là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tuấn A. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2022 và 28/02/2022, bà S trình bày: Anh Tuấn A và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại UBND phường H, thành phố Chí Linh. Hiện nay, anh Tuấn A đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Anh Tuấn A đã được bà thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Sau khi được bà thông báo, anh Tuấn A thông tin lại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Tuấn A đồng ý ly hôn chị T. Do anh Tuấn A không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản và bản thân bà cũng không nắm được nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 3186/QLXNC-P5 ngày 17/02/2022 thể hiện: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06/10/1995 tại Hải Dương; có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 21/10/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số B9914314, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, chị T, anh Tuấn A, bà S đều vắng mặt (chị T có đơn xin vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận xử cho chị Vũ Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Tuấn A. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tuấn A vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tuấn A được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại UBND phường H, thành phố Chí Linh. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian vì lý do kinh tế nên anh Tuấn A đi xuất khẩu Nhật Bản và hứa hẹn sẽ đưa chị T sang cùng để vợ chồng được đoàn tụ. Do đó, chị T tiếp tục ở nhà bố mẹ để đợi anh Tuấn A làm thủ tục đón chị T sang Nhật Bản đoàn tụ. Tuy nhiên, từ khi anh Tuấn A đi nước ngoài, anh Tuấn A ít khi gọi điện về quan tâm, hỏi thăm sức khỏe chị T nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã chờ đợi nhiều năm mà vẫn không thấy anh Tuấn A làm thủ tục đón chị T sang đoàn tụ. Đồng thời, thông qua bạn bè của anh Tuấn A, chị T biết được anh Tuấn A đã có người phụ nữ khác ở bên Nhật Bản nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Dù nhiều lần được bạn bè và gia đình khuyên nhủ nhưng anh Tuấn A không thay đổi, cắt đứt liên lạc hoàn toàn với Trang và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh Tuấn A cũng được gia đình anh Tuấn A xác nhận. HĐXX xét thấy, hôn nhân của chị T và anh Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Tuấn A là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: **Chị T** và anh Tuấn A không có con chung nên không phải giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh Tuấn A không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thu T. Xử cho chị Vũ Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số **AA/2020/0004697 ngày 19/01/2022**. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Tuấn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hoàng Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn